

THỰC TRẠNG PHÂN TẦNG XÃ HỘI VỀ KINH TẾ QUA KHẢO SÁT TẠI NĂM TỈNH THÀNH PHỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY⁽¹⁾

NGUYỄN THỊ THUỶ LINH *

Phân tầng xã hội, phân hóa giàu nghèo là hiện tượng xã hội phổ biến, hệ quả của các hình thức sở hữu tư liệu sản xuất, phân công lao động xã hội và cấu trúc - chức năng trong hệ thống xã hội. Việc thu hẹp khoảng cách giữa các tầng xã hội, giữa giàu và nghèo mang tính tất yếu nhằm thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước phát triển. Nó được thực hiện thông qua quản lý xã hội, thể hiện ở việc ban hành và thực thi chính sách.

Đánh giá của các tầng lớp xã hội về giàu nghèo, kết quả xóa đói giảm nghèo, về thực chất là sự đánh giá việc thực thi chính sách đối với vấn đề giàu nghèo, phân hóa và phân tầng xã hội. Đồng thời, cũng là sự đánh giá về tính chính đáng, hợp pháp của sự giàu, sự nghèo trong xã hội. Với tư duy đó nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát về thực trạng phân tầng xã hội (PTXH) về kinh tế trên 5 tỉnh: Hà Nội, Phú Thọ, Đà Nẵng, Bình Phước và Cần Thơ để làm rõ những nhận định này.

Khảo sát 5 tỉnh, mỗi tỉnh lấy ý kiến của 200 người trong đó bao gồm cả người dân và cán bộ, cán bộ lãnh đạo quản lý. Về giới tính, tỷ lệ nam giới tham gia vào cuộc khảo sát nhiều hơn nữ giới tỷ lệ lần lượt là 57% so với 43%. Về trình độ học vấn của người tham gia khảo sát: Có trên 90% số người tham gia có trình độ từ THCS trở lên. Trong

đó những người có trình độ từ Cao Đẳng/Đại học chiếm tỷ lệ cao nhất với 41,2%; thấp nhất là những người có trình độ tiểu học với 1,6%. Hơn nữa, có khoảng 6% người tham gia có trình độ Sau Đại học. Mức sống của những người tham gia khảo sát có sự khác nhau. Trong đó, chủ yếu là những người có thu nhập trung bình với 76,1%, tiếp đến là những người có thu nhập khá giả với 15,8%, thấp nhất là tỷ lệ người có mức sống rất nghèo chỉ với 0,1%.

Đánh giá về mức sống hiện nay và so với 5 năm, 10 năm trước

Qua kết quả khảo sát này ta có nhận xét, đánh giá về mức sống của người dân 5 tỉnh qua kết quả khảo sát về mức sống của chính người trả lời qua 5 năm, 10 năm trước:

Một là, mức sống hiện nay tốt hơn mức sống 5,10 năm trước đây.

Hai là, mức độ gia tăng mức sống của 10 năm cao hơn so với 5 năm (76,4% so với 68,5%).

Ba là, mức độ giảm đi của 10 năm cao hơn so với 5 năm (5,0% so với 4,0%).

Về nhà ở:

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay vấn đề nhà ở cũng là một tiêu chí đánh giá về PTXH.

Kết quả khảo sát cho thấy, nhà ở của người dân tại các địa bàn khảo sát rất đa dạng. Trong đó các loại nhà phổ biến được người dân sở hữu chính là nhà ở 1 tầng (30,3%); nhà ở 2 tầng (31,1%) và nhà cấp bốn (32%); thấp nhất là nhà ở chung cư mới chỉ với 1,7% số người hiện đang sở hữu. Qua đó thấy được, hiện nay người dân vẫn muốn được ở trong nhà riêng; chất lượng của

* Tiến sĩ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
1 - Bài viết này sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài: "Nghiên cứu vận dụng tổng tích hợp các lý thuyết về Phân tầng xã hội nhằm thực hiện công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay" do quý Nafoted tài trợ, mã số: 13.3-2012.12.

những ngôi nhà ngày càng được nâng cao.

Giữa các tỉnh thành phố có sự khác biệt về việc sở hữu nhà ở. Trong đó, đối với sở hữu nhà 2 tầng trở lên, Hà Nội là thành phố có tỷ lệ cao nhất với 56,7%; Đà Nẵng cũng có tỷ lệ 39,9%; thấp nhất là Bình Phước chỉ với 2% tỷ lệ người dân sở hữu nhà 2 tầng trở lên. Một điểm mới nghiên cứu chỉ ra, giữa các tỉnh thành phía bắc có tỷ lệ người dân sở hữu nhà 2 tầng trở lên lớn hơn nhiều so với các tỉnh phía Nam.

Nhà cấp 4 là loại nhà khá phổ biến đối ở các tỉnh/thành phố trên cả nước. Trong đó, Bình Phước và Cần Thơ là 2 tỉnh có tỷ lệ người tham gia sở hữu nhà cấp 4 lớn nhất với tỷ lệ 68,3%; thấp nhất là Hà Nội với 7,7%. Nguyên nhân là do 2 tỉnh Cần Thơ và Bình Phước nằm ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nên thường xuyên đối mặt với mưa lũ chính vì vậy người dân ít xây dựng nhà kiên cố và nhà cao tầng.

Quyền sở hữu nhà ở là vấn đề lớn đối với các hộ gia đình. Khảo sát cho thấy, có 81,8% tỷ lệ người tham gia có quyền sở hữu riêng đối với căn nhà hiện tại đang ở, trong khi đó chỉ có 6,2% số người hiện đang đi thuê nhà để ở. Điều này cho thấy, hiện nay người dân đang ngày càng hướng tới việc sở hữu nhà ở riêng cho bản thân. Giữa các tỉnh/thành phố cũng có sự khác biệt trong việc sở hữu nhà ở, trong đó, Cần Thơ có tỷ lệ người tham gia có quyền sở hữu nhà ở cao nhất với 89,4% và thấp nhất là Bình Phước với 69,9%.

Ngoài nhà ở hiện tại đang sinh sống, người tham gia khảo sát còn sở hữu các loại đất khác. Trong đó, đất thổ cư có tỷ lệ người sở hữu cao nhất với 54,2%, tiếp đến là đất canh tác với 30,5%. Đất dịch vụ có tỷ lệ người sở hữu thấp nhất với 0,9%. Giữa các tỉnh/thành phố có sự khác biệt trong đó, các thành phố lớn như Đà Nẵng và Hà Nội có tỷ lệ người sở hữu đất thổ cư thấp hơn nhiều so với các tỉnh/thành phố khác, lần lượt là 43,8% và 29,2%. Kết quả này có thể do nguyên nhân là 2 thành phố này có dân số đông mà quỹ đất ngày càng thu hẹp, người dân tại hai thành phố này tìm tới sở hữu nhà chung cư vì họ

cho rằng ở nhà chung cư là xu hướng trong những năm tới đây. Hơn nữa ngày nay tỷ lệ người nhập cư chưa có nhà ở cố định cũng ngày càng gia tăng.

Kết quả khảo sát cũng chỉ ra rằng người dân hiện nay đang sở hữu nhiều khu đất khác nhau, đây chính là tiền đề để người dân có cuộc sống ổn định trong tương lai.

Các đồ dùng trong gia đình:

Nghiên cứu cho thấy, các vật dụng sinh hoạt được các gia đình tại các tỉnh/thành phố mua sắm khá đầy đủ, đặc biệt là những dụng cụ thiết yếu phục vụ cuộc sống. Trong các đồ dùng, "tủ lạnh" là dụng cụ có nhiều gia đình sở hữu nhất với (88,8%), tiếp đến là "máy giặt" (71,7%); "điều hòa" (53,6). Với số liệu này cho thấy đời sống người dân đã được nâng lên rất nhiều. Đa phần người dân đều cho rằng tủ lạnh, máy giặt và điều hòa hiện nay là đồ dùng thiết yếu trong gia đình không thể thiếu được. Ngoài ra, một số đồ dùng như "Điện thoại di động" (34,2%); "máy tính bảng" (13,5%) và "máy ảnh, máy quay" (23,4%) được người dân mua với số lượng ít hơn. Vì họ cho rằng, những vật dụng này đối với một số người là cần thiết nhưng với đại bộ phận người dân thì họ thấy rằng họ chưa có nhu cầu.

Bên cạnh đó, giữa các tỉnh/thành phố cũng có sự khác biệt về việc sở hữu các dụng cụ cá nhân và dụng cụ trong gia đình. Cụ thể, trong sở hữu "máy tính bảng" người dân tại Đà Nẵng chiếm tỷ lệ cao nhất với 24,4%, tiếp đến là Hà Nội với 15,7%; thấp nhất là Bình Phước với 5,5%. Hay trong việc sở hữu "máy tính cá nhân" tỷ lệ người dân Đà Nẵng sở hữu cao hơn nhiều so với người dân tại Cần Thơ, lần lượt 49,2% và 31,6%. Ở những đồ dùng thiết yếu như tủ lạnh tỷ lệ người dân Đà Nẵng sở hữu vẫn chiếm tỷ lệ cao nhất với 93,8%, trong khi đó tỷ lệ này ở người dân Bình Phước đạt ở mức 79,9%. Ngoài ra, ở các đồ dùng khác như máy giặt, điều hòa cũng có sự khác biệt về sở hữu của người dân giữa các tỉnh/thành phố.

Qua đó ta thấy được cuộc sống của người dân các tỉnh/thành phố khá đầy đủ, với nhiều dụng cụ

đắt tiền, thiết yếu được người dân mua sắm đầy đủ như “điện thoại di động; máy giặt; tủ lạnh; điện thoại”; nhiều hộ gia đình sở hữu “ô tô” và thiết bị công nghệ cao như “máy tính bảng”. Giữa các tỉnh/thành phố có sự khác biệt trong việc sở hữu các đồ dùng cá nhân và trong gia đình.

Về phân hóa giàu nghèo

Thực hiện nền kinh tế thị trường, chúng ta chấp nhận trong xã hội có sự phân hóa giàu nghèo. Trong bối cảnh đó, chúng ta chủ trương khuyến khích làm giàu và đi cùng với nó là tích cực xóa đói, giảm nghèo. Những thập kỷ vừa qua, Việt Nam là một trong những nước triển khai xóa đói, giảm nghèo thành công, sớm thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ. Song, cho dù Đảng, Nhà nước, các tầng lớp xã hội đã tích cực phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, song phân hóa giàu nghèo luôn trong xu thế gia tăng, khoảng cách giàu nghèo ngày càng dãn ra. Điều tra về khoảng cách giàu nghèo trong 5 năm vừa qua cho kết quả: Tăng lên 51,6%; Giảm đi 33,0%; Như cũ 15,4%. Đánh giá chung, phân hóa giàu nghèo có xu hướng gia tăng (tăng lên 51,6%). Qua nghiên cứu cho thấy những người giàu là: Những người giỏi sản xuất, kinh doanh (mức nhiều 50,2%); những người năng động, tháo vát (mức nhiều 49,5%) và những người chăm chỉ, cần cù, chịu khó (mức nhiều 41,7%).

Theo tỷ lệ đánh giá ở mức nhiều, thứ tự từ cao xuống thấp như sau: 1. Những người giỏi sản xuất, kinh doanh (50,2%); 2. Những người năng động, tháo vát (49,5%); 3. Những người chăm chỉ, cần cù, chịu khó (41,7%); 4. Những người có trình độ chuyên môn cao (39,7%); 5. Những người có chức vụ lãnh đạo, quản lý cao (38,4%); 6. Những người có học vấn đại học trở lên (37,9%); 7. Những người công tác ở cơ quan nắm, giữ nguồn lực kinh tế (24,5%); 8. Những người có quan hệ xã hội rộng (22,6%); 9. Những người có bố mẹ, vợ con giữ chức vụ cao (20,7%); 10. Những người tham nhũng (14,5%); 11. Những người chạy chức, quyền (11,3%); 12. Những người gặp nhiều may mắn (10,1%); 13. Những người làm ăn phi pháp, buôn lậu, trốn thuế (9,1%); 14. Những người khác (7,1%).

Theo tỷ lệ đánh giá ở mức nhiều và mức ít (tính chung cả hai mức), thứ tự từ cao xuống thấp như sau: 1. Những người giỏi sản xuất, kinh doanh (80,1%); 2. Những người năng động, tháo vát (79,8%); 3. Những người chăm chỉ, cần cù, chịu khó (78,5%); 4. Những người có trình độ chuyên môn cao (76,8%); 5. Những người có học vấn đại học trở lên (75,5%); 6. Những người có chức vụ lãnh đạo, quản lý cao (69,7%); 7. Những người có quan hệ xã hội rộng (62,9%); 8. Những người gặp nhiều may mắn (53,4%); 9. Những người công tác ở cơ quan nắm, giữ nguồn lực kinh tế (53,2%); 10. Những người có bố mẹ, vợ con giữ chức vụ cao (51,4%); 11. Những người khác (41,4%); 12. Những người tham nhũng (29,6%); 13. Những người làm ăn phi pháp, buôn lậu, trốn thuế (26,5%); 14. Những người chạy chức, quyền (26,0%).

Từ kết quả điều tra, theo thứ tự sắp xếp từ cao xuống thấp của mức nhiều và mức ít, ít cho thấy, nhóm người giỏi sản xuất kinh doanh, năng động, chịu khó, học vấn cao, có chức quyền là những người giàu có, thành đạt cao, tiếp theo là nhóm người ở cơ quan nắm, giữ nguồn lực kinh tế, quan hệ xã hội rộng, có người thân giữ chức vụ cao. Nhóm người tham nhũng, buôn lậu, trốn thuế chiếm tỷ lệ thấp trong số những người giàu có, thành đạt. Như vậy, cùng với nhóm có chức quyền cao, doanh nhân và trí thức sẽ là những nhóm xã hội giàu có, thành đạt trong xã hội nước ta hiện nay.

Nghiên cứu chỉ ra rằng, theo đánh giá của người dân trong vòng 5 năm qua giữa người giàu và người nghèo nhìn chung khoảng cách giàu có xu hướng tăng lên với 51,6% số người ủng hộ, bên cạnh đó vẫn còn một số lượng số người cho rằng PTXH giữa người giàu và người nghèo có xu hướng giảm (33%); còn lại 15,4% số người cho rằng khoảng cách giàu nghèo vẫn như cũ, không có gì thay đổi. Như vậy có thể thấy được, tại các tỉnh/thành phố khoảng cách giàu nghèo vẫn có xu hướng gia tăng, người giàu càng có cơ hội phát triển, thăng tiến; còn người nghèo vẫn thiệt thòi trong việc tiếp cận với các cơ hội mặc dù cuộc sống của người dân ngày càng đầy đủ và có xu hướng đáp ứng được nhu cầu của cuộc sống.

Từ việc phân tích thực trạng trên có thể rút ra

những kết luận sau:

Thứ nhất, Đảng, Nhà nước và cấp ủy đảng, chính quyền các địa phương đã và đang thực hiện chủ trương khuyến khích làm giàu hợp pháp, đi đôi với xóa đói, giảm nghèo, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng chính sách và từng bước phát triển. Qua khảo sát thực tiễn cho thấy, chủ trương đó đã và đang dần hiện thực trong đời sống xã hội. Trong những năm vừa qua, xu thế phân hóa giàu nghèo gia tăng, đồng thời những người làm giàu hợp pháp, chính đáng ngày càng nhiều hơn, chiếm số đông. Chiếm tỷ lệ cao trong những người giàu là những người giỏi sản xuất, kinh doanh, năng động, tháo vát, chăm chỉ, cần cù, chịu khó và những người có trình độ chuyên môn cao. Những người chạy chức, quyền, làm ăn phi pháp, buôn lậu, trốn thuế chiếm tỷ lệ không nhiều trong số những người giàu.

Thứ hai, những người làm giàu hợp pháp, chính đáng ngày càng nhiều hơn là xu hướng phù hợp với sự phát triển tiến bộ. Xu hướng này cần được khuyến khích, nhân rộng. Đồng thời, chú trọng phát huy vai trò của họ trong phát triển kinh tế, xã hội, góp sức thực hiện mục tiêu: dân giàu,

nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Thứ ba, thái độ của người điều tra với vấn đề giàu chính đáng, hợp thức, hợp pháp và giàu không chính đáng, không hợp thức, hợp pháp rất rõ ràng. Tỷ lệ ủng hộ những người giàu nhờ làm ăn hợp pháp, hợp thức, chính đáng rất cao; không ủng hộ những người giàu do làm ăn phi pháp, không chính đáng, không hợp thức rất cao.

Thái độ của người dân đối với những người làm giàu hợp pháp, không hợp pháp phản ánh sự phát triển theo hướng nhân văn, tiến bộ trong hệ chuẩn mực, giá trị của các tầng lớp nhân dân trong nền kinh tế thị trường. Trong nền kinh tế thị trường ẩn chứa nhiều lợi ích và theo đó cũng ẩn chứa nhiều loại giá trị và xung đột giá trị. Việc người được điều tra đánh giá cao, dành sự tôn trọng cao đối với những người làm giàu hợp pháp, chính đáng phản ánh sự lựa chọn giá trị xã hội "hợp lý", "phù hợp" với công bằng, tiến bộ xã hội. Nó sẽ là động lực xã hội để các tầng lớp xã hội tích cực phát triển kinh tế, làm giàu cho bản thân, gia đình, xã hội. ☐

KINH NGHIỆM CÔNG TÁC TỔ CHỨC LỰC LƯỢNG... (tiếp trang 42)

...tội phạm của Hoa Kỳ đạt hiệu quả cao do khai thác tốt nguồn nhân lực và trang thiết bị, kỹ thuật hỗ trợ. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm đã được đầu tư về cơ sở vật chất và trang thiết bị với nguồn kinh phí khổng lồ, ngân sách chi trả luôn được đánh giá và nghiên cứu so sánh với tương quan hiệu quả của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Việt Nam là nước đang phát triển, việc ứng dụng công nghệ thông tin và khoa học kỹ thuật vào công tác phòng chống tội phạm đang từng bước được cải thiện, góp phần quan trọng nâng cao hiệu quả ứng phó với tội phạm phi truyền thống. Các cơ quan thực thi pháp luật cần có chính sách tập trung nguồn lực và cơ sở vật chất cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, đồng thời cần đánh giá tính hiệu quả của từng chương trình được áp dụng để rút kinh nghiệm, điều chỉnh. ☐

Tài liệu tham khảo:

1. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Phòng chống tội phạm truyền thống

và tội phạm phi truyền thống trong điều kiện hội nhập quốc tế, Học viện CSND, Tổng cục cảnh sát, Bộ Công an, Hà Nội, 11/2008.

2. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trong chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới - quan điểm, nhận diện và khuyến nghị, Học viện CSND, Bộ Công An, Hà Nội, 5/2013.

3. Sampson, R. J. (1999), *What Community supplies*. In Ronald Fergusen & William Dickens (Eds.), *Urban problems and community development*, Washington: Brookings Institute Press.

4. Sampson, R. J. (2001), *Crime and public safety: Insights from community-level perspectives on social capital*. In S. Saegert, P. J. Thompson & M. Warren (Eds.), *Social capital and poor communities: Building and using social assets to combat poverty*, New York: Russell Sage.

5. Sampson, R. J., & Groves, W. B. (1989), *Community structure and crime: Testing social disorganization theory*, *American Journal of Sociology*, 94, 774-802.

6. Sampson, R. J., Raudenbush, S., & Earls, F. J. (1997), *Neighborhoods and violent crime: A multilevel study of collective efficacy*, *Science*, 277, 918-924.

7. Sampson, R. J., Morenho, J., & Earls, F. (1999), *Beyond social capital: Spatial dynamics of collective efficacy for children*, *American Sociological Review*, 64, 633-660.

8. Skogan, W. (1990), *Disorder and decline: Crime and the spiral of decay in American neighborhoods*, Berkeley: University of California Press.